

Bản án số: 40/2023/HS-ST
Ngày: 04 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng N2, Bí thư xã Đoàn.

Ông Lê Văn Vững, Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.
Ông Nguyễn Tiến Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 N1 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 6 N1 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 N1 2023, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Trần N T, sinh ngày 22/12/2006, tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn N, sinh N1: 1984 (sống) và bà Bùi Thị Mỹ L, sinh N1: 1971 (sống); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn trong gia đình; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: ngày 09/01/2023, tạm giam: Ngày 12/01/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tháp Mười và có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Huỳnh Văn T, sinh ngày: 25/5/2005, tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; nơi cư trú: Ấp 3, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp:

Làm thuê; trình độ học vấn: 04/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn H, N1 sinh: 1980 (chết) và bà Huỳnh Thị T1, sinh N1: 1981 (chết); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn trong gia đình; vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; tạm giữ: Ngày 09/01/2023, tạm giam: Ngày 12/01/2023; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tháp Mười và có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: Huỳnh Văn Đức T3, sinh ngày: 07/6/2006, tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; nơi cư trú: Ấp Bình Linh, xã Bình Thạnh, huyện B, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Bé N1, sinh N1: 1970 (sống) và bà Nguyễn Thị N2, sinh N1: 1969 (sống); Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: không; tạm giữ: ngày 09/01/2023, tạm giam: Ngày 12/01/2023; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tháp Mười và có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ và tên: Trần Huỳnh T, sinh ngày: 11/5/2006, tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Văn T4, sinh N1: 1967 (sống) và bà Huỳnh Ngọc T5, sinh N1: 1970 (sống); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn trong gia đình; vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: không; tạm giữ: Ngày 09/01/2023, tạm giam: Ngày 12/01/2023; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tháp Mười và có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Trần N T là bà Bùi Thị Mỹ L, sinh N1 1971. Nơi cư trú: Ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt tại phiên tòa).

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Huỳnh Văn T là ông Nguyễn Hữu Tâm, sinh N1 1961. Nơi cư trú: Ấp 3, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt tại phiên tòa).

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Văn Đức T3 là ông Nguyễn Bé N1, sinh N1 1970. Nơi cư trú: Ấp Bình Linh, xã Bình Thạnh, huyện B, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt tại phiên tòa).

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Trần Huỳnh T là ông Trần Văn T4, sinh N1 1967. Nơi cư trú: Ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Trần N T, bị cáo Huỳnh Văn T, bị cáo Nguyễn Văn Đức T3 và bị cáo Trần Huỳnh T là Luật sư Ngô Thị Thanh - Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp. (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Nguyễn Văn G, sinh N1 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Mỹ T, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Thị M, sinh N1 1981 (có đơn xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 2, xã Láng Biền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Thị Cẩm T, sinh N1 1994 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Bình Linh, xã Bình Thạnh, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người làm chứng:*

Trương Quang T6, sinh N1 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 2, xã Láng Biền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Đặng Thanh T7, sinh N1 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 4, xã Láng Biền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trần Hồng T8, sinh N1 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Châu Gia K, sinh N1 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 2, xã Mỹ Thọ, huyện B, tỉnh Đồng Tháp

Nguyễn Hữu T9, sinh N1 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 246A, ấp Vĩnh Hòa, xã T Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T3 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Trần N T (sinh ngày 22/12/2006, nơi cư trú ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp), Nguyễn Văn Đức T3 (sinh ngày 07/6/2006, nơi cư trú ấp Bình Linh, xã Bình Thạnh, huyện B, tỉnh Đồng Tháp), Huỳnh Văn T (sinh ngày 25/5/2005, nơi cư trú ấp 3, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp) và Trần Huỳnh T (sinh ngày 11/5/2006, nơi cư trú ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp) là bạn bè quen biết ngoài xã hội với nhau; riêng T và Huỳnh T còn có mối quan hệ họ

hàng (T gọi Huỳnh T bằng chú). Do thiếu sự quan tâm, giáo dục từ phía gia đình nên các bị cáo đều đã nghỉ học, tH xuyên tạc tập chơi bời lêu lổng. Để có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo thực hiện 02 vụ cướp T3 sản. Hành vi của các bị cáo được thực hiện như sau:

**Vụ thứ nhất: Có sự tham gia của Trần N T, Nguyễn Văn Đức T3, Huỳnh Văn T:*

Vào khoảng 21 giờ ngày 03/01/2023, Trần N T và Nguyễn Văn Đức T3 uống rượu tại một quán gần Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh (thuộc ấp Bình Linh, xã Bình Thạnh, huyện B, tỉnh Đồng Tháp). Trong lúc uống rượu, T rủ T3 đi trộm cắp T3 sản thì T3 đồng ý đi. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, cả hai nghỉ uống rượu. T điều khiển xe mô tô biển số 66F1- 479.50 chở T3 đến nhà trọ của Huỳnh Văn T thuê ở gần chợ đầu mối trái cây thuộc xã Mỹ Hiệp, huyện B rủ T cùng đi trộm cắp T3 sản thì T đồng ý. T điều khiển xe chở T3 và T đi trên tuyến quốc lộ 30 hướng về khu du lịch Xẻo Quýt thuộc ấp 4, xã Mỹ Hiệp, huyện B, tỉnh Đồng Tháp. Khi đi được một đoạn thì T nói đi ăn trộm không có tiền nhiều và rủ T3, T tìm chặn người đi đường để cướp T3 sản thì T3 và T đồng ý. T điều khiển xe về nhà của T ở ấp 4, xã A, huyện B rồi kêu T3 vào nhà lấy một con dao dài khoảng 25cm, có cán bằng nhựa màu xanh dương, lưỡi bằng kim loại, mũi dao nhọn mục đích dùng làm hung khí đe dọa cướp T3 sản. Xong T điều khiển xe mô tô biển số 66F1- 479.50 chở T ngồi giữa, T3 ngồi sau cầm con dao đi hướng từ xã A, huyện B đến ấp Mỹ Thạnh, xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, mục đích để tìm người đi đường chặn cướp T3 sản.

Đến khoảng 02 giờ ngày 04/01/2023, khi các bị cáo đang điều khiển xe đến tuyến lộ nhựa nông thôn thuộc tổ 2, ấp Mỹ Thạnh, xã Thanh Mỹ thì T nhìn thấy anh Nguyễn Văn G một mình điều khiển xe mô tô chạy phía trước, trên xe chở nhiều can nhựa đựng cá. T điều khiển xe đuổi theo, chạy vượt lên và ép chặn đầu xe của anh G lại. Bị xe của T chặn đầu, anh G dừng xe lại và ngồi trên xe. T3 xuống xe đi đến đứng cặp bên trái sau lưng anh G, cầm dao bằng tay phải kề vào vùng bụng và đe dọa kêu anh G “đưa tiền”. T đứng phía trước cặp bên tay trái của anh G tiếp tục đe dọa hỏi “tiền đâu”. Lo sợ bị T3 đâm, anh G tháo Ti bên trong có tiền và một bóp đựng tiền cùng các loại giấy tờ tùy thân đang đeo trước bụng ra cầm trên tay, chưa kịp đưa thì bị T giật lấy. T3, T lên xe để T điều khiển chở đi; vừa đi T vừa đe dọa “tui tha cho ông lần này” nhằm mục đích cho anh G sợ không đuổi theo. Khi đến đoạn đường gần cầu thu phí xã Thanh Mỹ (thuộc ấp Mỹ Thạnh, xã Thanh Mỹ), T3 ném bỏ con dao. T lấy hết tiền trong Ti và trong bóp ra và ném bỏ các T3 sản, giấy tờ còn lại bên đường. T điều khiển

xe chở T3 và T về phòng trọ của T thuê. T, T và T3 cùng kiểm đếm số tiền cướp được là 22.000.000 đồng, xong đưa cho T cất giữ rồi cả ba ngủ tại phòng trọ của T. Đến khoảng 03 giờ ngày 04/01/2023 anh G trình báo sự việc đến Công an xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười.

Đến khoảng 08 giờ ngày 04/01/2023 T, T và T3 đến cửa hàng mua bán xe máy của anh Trần Hồng T8 ở ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện B, sử dụng số tiền 9.000.000 đồng trong tổng số 22.000.000 đồng cướp được mua một xe mô tô loại Sirius màu đen-trắng, biển số 66F2- 042.15 cho T sử dụng. Sau đó, cả ba tiếp tục đến cửa hàng mua bán xe của anh Châu Gia K ở ấp 2, xã Mỹ Thọ, huyện B sử dụng số tiền 8.000.000 đồng trong số tiền cướp được còn lại mua một chiếc xe mô tô loại Sirius màu đen-bạc, biển số 54P7- 4211 cho T sử dụng. Tiếp đến cả ba đem hai xe mô tô này đi sửa các bộ phận hư hỏng hết 1.600.000 đồng. Số tiền 3.400.000 đồng còn lại T cất giữ. Đến sáng ngày 08/01/2023, T lấy 3.600.000 đồng là tiền cá nhân của T và số tiền 3.400.000 đồng cướp được còn lại cùng với T3 và T đến cửa hàng mua bán xe của anh Nguyễn Hữu Tuấn ở ấp Vĩnh Hòa, xã T Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long mua chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Espero, màu xanh-đen biển số 95EA- 044.77 giá 7.000.000 đồng cho T3 sử dụng.

Đối với Ti đeo, bóp da cùng các giấy tờ tùy thân mà các bị cáo ném bỏ trên đường bỏ chạy, anh Nguyễn Văn G sau đó tự tìm lại được.

** Vụ thứ hai: Có sự tham gia của Trần N T, Nguyễn Văn Đức T3, Huỳnh Văn T và Trần Huỳnh T:*

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 08/01/2023 Trần N T, Nguyễn Văn Đức T3 và Trần Huỳnh T chơi đánh bi da ở xã A, huyện B. Lúc này, T rủ T3 tiếp tục đi tìm người đi đường để chặn cướp T3 sản thì T3 đồng ý. Do trước đó, Huỳnh T có nghe T3 kể về việc mua xe từ tiền cướp được, nên khi nghe T rủ T3 đi cướp T3 sản thì Huỳnh T chủ động xin đi theo với mong muốn cướp được tiền để mua xe sử dụng như các bị can khác. T3 điều khiển xe gắn máy biển số 95EA-044.77 chở Huỳnh T, T điều khiển xe mô tô biển số 54P7- 4211 đến nhà trọ của Huỳnh Văn T chở T cùng đi. Cả nhóm điều khiển xe về đến gần nhà của T thì dừng xe lại. T3 một mình điều khiển xe về nhà T lấy một con dao dài khoảng 20cm, có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, mũi nhọn trong ba lô của T3 đã gửi tại nhà T trước đó rồi quay lại nơi T, Huỳnh T, T đang đợi. T3 đưa dao cho T cầm mục đích sử dụng để đe dọa cướp T3 sản của người đi đường.

T3 điều khiển xe gắn máy biển số 95EA- 044.77 chở Huỳnh T, T điều khiển xe mô tô biển số 54P7- 4211 chở T đi trên tuyến tỉnh lộ ĐT 850 hướng về

xã Láng Biền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi cả nhóm đi đến đoạn đường thuộc ấp 2, xã Láng Biền thì phát hiện chị Trần Thị M một mình điều khiển xe mô tô theo hướng ngược lại, anh Trương Quang T6 là chồng chị M điều khiển xe mô tô chạy phía sau. Khi xe của chị M và anh T6 vừa đi qua, thì T3 và T điều khiển xe quay đầu lại. T kêu T3 chở Huỳnh T điều khiển xe chạy theo tiếp cận xe của anh T6 giả vờ hỏi đường nhằm mục đích tách xe của anh T6 và chị M ra xa nhau để T và T có thời gian chặn xe chị M cướp T3 sản. T3 và Huỳnh T đồng ý và thực hiện. Cùng lúc này, T điều khiển xe chở T đuổi theo chị M. Khi đến đoạn nhánh rẽ vào đường nông thôn thuộc ấp 2, xã Láng Biền thì đuổi kịp, T điều khiển xe chặn đầu xe chị M lại. T xuống xe đến đứng ngang phía trước bên tay trái của chị M, tay phải T cầm dao đe dọa yêu cầu chị M “đưa tiền”. Chị M trả lời không có tiền thì T dùng tay trái lục soát trong Túi quần bên phải của chị M lấy 01 điện T1ại di động hiệu OPPO A12, màu xanh cát vào trong Túi quần. Tiếp tục, T quan sát thấy trên cổ chị M đeo sợi dây chuyền vàng nên dùng tay trái giật đứt sợi dây chuyền cầm trên tay rồi lên xe T điều khiển bỏ chạy ngược lại theo hướng đi ban đầu ra đường tỉnh lộ ĐT 850 thì gặp T3 và Huỳnh T. T nói cho cả nhóm biết vừa cướp được điện T1ại di động và sợi dây chuyền vàng. Xong điện T1ại T đưa cho T cất giữ, còn dây chuyền vàng T cầm trên tay.

Sau đó cả nhóm tiếp tục điều khiển xe về hướng xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười để tiếp tục tìm người đi đường cướp T3 sản. Khi đi được một đoạn thì T dùng bật lửa đốt sợi dây chuyền vàng vừa cướp được, người có mùi khét, nghĩ là vàng giả nên T ném qua cho Huỳnh T xem làm sợi dây chuyền rơi trên đường nên các bị cáo bỏ không nhặt lại. Sau đó các bị cáo đổi xe cho nhau, T điều khiển xe chở Huỳnh T, T3 điều khiển xe chở T rồi tiếp tục đi về hướng xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười. Trên đường đi, các bị cáo phát hiện có người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) điều khiển xe mô tô đi chiều ngược lại nên cả nhóm quay đầu xe đuổi theo nhằm mục đích để cướp T3 sản. Nhưng khi đuổi kịp, thấy trên xe có chở theo trẻ nhỏ nên các bị cáo không thực hiện hành vi cướp T3 sản mà tiếp tục điều khiển xe về hướng huyện B. Trên đường đi, T ném bỏ con dao. Khi đi đến đoạn đường gần khu du lịch Xẻo Quýt thuộc xã A, huyện B thì bị lực lượng Công an tuần tra yêu cầu dừng xe kiểm tra. T3 điều khiển xe chở T bỏ chạy. T chở Huỳnh T bị lực lượng Công an dừng xe kiểm tra và cung cấp được giấy tờ hợp lệ nên được cho đi. Sau đó T3 đến nhà T ngủ cùng T, Huỳnh T về nhà của mình, T về nhà trọ của T. Đến khoảng 23 giờ ngày 08/01/2023, chị M trình báo sự việc đến Công an xã Láng Biền.

Sau khi nhận được tin báo, Công an huyện Tháp Mười kết hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành điều tra, truy xét đối tượng trên địa bàn huyện Tháp Mười và các địa bàn lân cận. Qua rà soát đối tượng, ngày 09/01/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp Mười tiến hành làm việc với T, T3, T và Huỳnh T. Tại cơ quan điều tra, các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hai vụ cướp T3 sản nêu trên và giao nộp các T3 sản, vật chứng có liên quan.

Tại Kết luận định giá T3 sản số 07/KLĐG ngày 23/3/2023 của Hội đồng định giá T3 sản trong tổ tụng hình sự huyện Tháp Mười kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt 01 bóp nam cũ, đã qua sử dụng và 01 Ti đeo ngang bụng bằng vải dù, màu xanh đen, hình dạng rằn ri, cũ, đã qua sử dụng của anh Nguyễn Văn G có tổng giá trị là 15.000 đồng.

Tại Kết luận định giá T3 sản số 06/KLĐG ngày 23/3/2023 của Hội đồng định giá T3 sản trong tổ tụng hình sự huyện Tháp Mười kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt, điện T1ại di động hiệu Oppo A12, màu xanh trị giá 1.300.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 2,8 chỉ dạng mắt xích vuông tròn, không có mặt dây chuyền trị giá 10.000.000 đồng. Tổng giá trị T3 sản bị chiếm đoạt của chị Trần Thị M là 11.300.000 đồng.

Về vật chứng, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

Của bị cáo Trần N T gồm: 01 xe mô tô biển số 54P7-4211 và giấy đăng ký xe; 01 giấy mua bán xe biển số 54P7-4211; 01 áo khoác màu đen, có số 23 phía trước; 01 nón bảo hiểm màu đen; 01 điện T1ại di động hiệu Oppo A12, màu xanh (là điện T1ại các bị cáo cướp của chị Trần Thị M). Xét không cần thiết tạm giữ, Cơ quan điều tra đã trao trả điện T1ại di động hiệu Oppo A12 cho chị Trần Thị M.

Của bị cáo Nguyễn Văn Đức T3 gồm: 01 điện T1ại di động hiệu Iphone, màu hồng; 01 xe gắn máy biển số 95EA-044.77 và giấy đăng ký xe; 01 giấy mua bán xe biển số 95EA-044.77; 01 đôi dép quai kẹp, màu đỏ, có in dòng chữ DH; 01 nón lưỡi trai màu đen; 01 áo khoác dài tay, màu đen, áo khoác loại có nón đội đầu. Xét không cần thiết tạm giữ, Cơ quan điều tra đã trao trả cho T3 điện T1ại di động hiệu Iphone.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn thu giữ xe mô tô biển số 66F1-479.50 mà T3 sử dụng làm phương tiện đi cướp T3 sản. Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 66F1-479.50 do chị Nguyễn Thị Cẩm T (chị ruột T3) đứng tên chủ sở hữu, chị T cho ông Nguyễn Bé N1 (cha ruột chị T) mượn sử dụng. Ngày 04/01/2023 T3 tự ý lấy đi và sử dụng xe thực hiện hành vi cướp T3 sản ông N1 không biết.

Của bị cáo Trần Huỳnh T gồm: 01 áo sơ mi dài tay màu xám; 01 quần sọt jean màu xanh; 01 điện Thoại di động hiệu Samsung màu vàng, bị nứt màn hình. Xét không cần thiết tạm giữ, Cơ quan điều tra đã trao trả cho T điện Thoại di động hiệu Samsung.

Của bị cáo Huỳnh Văn T gồm: 01 điện Thoại di động hiệu Oppo màu xanh; 01 xe mô tô biển số 66F2-042.15 và giấy đăng ký xe; 01 giấy mua bán xe biển số 66F2-042.15; 01 đôi dép lười màu đỏ; 01 áo thun dài tay, màu trắng sọc đen; 01 quần jean màu xanh trắng; 01 áo sơ mi sọc dài tay, màu nâu; 01 quần sọt jean màu xám rách hai bên ống quần. Xét không cần thiết tạm giữ, Cơ quan điều tra đã trao trả cho T điện Thoại di động hiệu Oppo.

Đối với xe mô tô biển số 66F2- 042.15 là xe mà bị cáo Huỳnh Văn T sử dụng số tiền cướp được của anh G để mua. Hiện tại, ông Huỳnh Hữu Tâm là ông nội của T cùng các đại diện theo pháp luật của các bị cáo T3, T, Huỳnh T đã bồi thường khắc phục cho bị hại xong. Xét tuy đây là T3 sản mà bị cáo mua từ số tiền phạm tội, tuy nhiên số tiền này đã được các đại diện theo pháp luật của các bị cáo khắc phục xong cho bị hại từ khoản tiền cá nhân của họ nên không tịch thu đối với xe mô tô biển số 66F2- 042.15 mà trao trả lại cho ông Tâm là phù hợp (hiện Cơ quan điều tra đã trao trả xe này cho ông Tâm).

Đối với 02 con dao mà các bị cáo sử dụng làm hung khí gây án và sợi dây chuyền vàng cướp được của chị M, các bị cáo khai ném bỏ trên đường, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm được.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Văn G yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn Đức T3, Trần N T và Huỳnh Văn T bồi thường 22.000.000 đồng. Các bị cáo thống nhất và đã tác động gia đình bồi thường xong.

Bị hại Trần Thị M yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn Đức T3, Trần N T, Huỳnh Văn T và Trần Huỳnh T bồi thường sợi dây chuyền vàng 18kara, trọng lượng 2,8 chỉ. Các bị cáo thống nhất và đã tác động gia đình mua lại sợi dây chuyền đúng với loại vàng, trọng lượng theo yêu cầu của bị hại và đã bồi thường xong.

Đối với con dao mà T3 tự ý lấy và sử dụng đi cướp T3 sản của anh Nguyễn Văn G là của bà Bùi Thị Mỹ L, là mẹ ruột bị cáo T. Bà L không yêu cầu các bị cáo bồi thường đối với con dao này.

Tại bản cáo trạng số: 28/CT-VKSTM ngày 09 tháng 6 N1 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định truy tố các bị cáo Trần N T, Huỳnh Văn T, Nguyễn Văn Đức T3 và Trần Huỳnh T ra Tòa

án nhân dân huyện Tháp Mười để xét xử về tội “Cướp T3 sản” theo quy định tại d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên, giữ quyền công tố giữ N2 quyết định truy tố theo Cáo trạng, khẳng định việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo đã gây ra, N2 nhân, điều kiện dẫn đến việc thực hiện tội phạm, nhân thân của bị cáo và quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị:

- Về tội danh: Căn cứ Điều 168 của Bộ luật hình sự N1 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần N T, Huỳnh Văn T, Nguyễn Văn Đức T3 và Trần Huỳnh T phạm tội “*Cướp T3 sản*”.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần N T hình phạt tù 05 (Năm) N1 06 (Sáu) tháng đến 06 (Sáu) N1 từ.

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T hình phạt tù 04 (Bốn) N1 06 (Sáu) tháng đến 05 (Năm) N1 từ.

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đức T3 từ 04 (Bốn) N1 đến 04 (Bốn) N1 06 (Sáu) tháng từ.

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Huỳnh T từ 03 (Ba) N1 đến 03 (Ba) N1 06 (Sáu) tháng từ.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm T xe mô tô biển số 66F1-479.50.

- Trả lại cho bị cáo Trần N T 01 áo khoác màu đen, có số 23 phía trước; 01 nón bảo hiểm màu đen;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đức T3 01 đôi dép quai kẹp, màu đỏ, có in dòng chữ DH; 01 nón lưỡi trai màu đen; 01 áo khoác dài tay, màu đen, áo khoác loại có nón đội đầu;

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn T 01 đôi dép lười màu đỏ; 01 áo thun dài tay, màu trắng sọc đen; 01 quần jean màu xanh trắng; 01 áo sơ mi sọc dài tay, màu nâu; 01 quần sọt jean màu xám rách hai bên ống quần;

- Trả lại cho bị cáo Trần Huỳnh T 01 áo sơ mi dài tay màu xám; 01 quần sọt jean màu xanh.

- Tịch thu bán sung vào ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô biển số 54P7-4211 (kèm theo giấy đăng ký xe; 01 giấy mua bán xe biển số 54P7-4211); 01 xe gắn máy biển số 95EA-044.77 (kèm theo giấy đăng ký xe; 01 giấy mua bán xe biển số 95EA-044.77).

(Vật chứng nêu trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng, T3 sản ngày 03/7/2023).

Người bào chữa cho bị cáo Trần N T, bị cáo Huỳnh Văn T, bị cáo Nguyễn Văn Đức T3 và bị cáo Trần Huỳnh T là Luật sư Ngô Thị Thanh - Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp có ý kiến: Thống nhất theo tội danh cũng như các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề khác mà Viện kiểm sát đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo trong quá trình nghị án để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần N T, Huỳnh Văn T, Nguyễn Văn Đức T3 và Trần Huỳnh T đồng ý xét xử vắng mặt đối với bị hại Nguyễn Thị M và những người làm chứng Trương Quang T6, Đặng Thanh T7, Trần Hồng T8, Châu Gia K, Nguyễn Hữu Tuấn. Đồng thời, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt các bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng của các bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T3 liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Nguyễn Thị M và những người làm chứng Trương Quang T6, Đặng Thanh T7, Trần Hồng T8, Châu Gia K, Nguyễn Hữu Tuấn. Xét thấy, bị hại không có yêu cầu gì trong vụ án này và đối với những người làm chứng vắng

mặt không có lý do nhưng đã có lời khai của những người này trong hồ sơ vụ án, nên không gây trở ngại cho việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, và Điều tra viên trong quá trình điều tra; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười và Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại đều không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo Trần N T, Huỳnh Văn T, Nguyễn Văn Đức T3 và Trần Huỳnh T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng cùng với các T3 liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án và tại phần tranh luận các bị cáo cũng thống nhất với lời luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo biết rõ hành vi cướp T3 sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bản tính lười biếng, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Tổng giá trị T3 sản cướp được của cả hai lần là 33.315.000 đồng. Xét về hành vi và giá trị T3 sản mà các bị cáo chiếm đoạt đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp T3 sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự quy định:

“Điều 168. Tội cướp T3 sản

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt T3 sản, thì bị phạt tù từ 03 N1 đến 10 N1.

2. Phạm tội thuộc một trong các T3 hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 N1 đến 15 N1:

.....

d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;

..... ”

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền

sở hữu về T3 sản của bị hại một cách trái phép. Quyền sở hữu về T3 sản là khách thể được Luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi trái phép xâm phạm đến, nhưng vì bản chất lười biếng, muốn mau chóng có tiền mà không phải bỏ ra công sức lao động hợp pháp, với ý thức xem th pháp luật nên các bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi chặn xe, sử dụng hung khí là dao đe dọa đâm để uy hiếp tinh thần của bị hại. Trong đó, lần cướp T3 sản của bị hại Nguyễn Văn G vào ngày 04/01/2023 tại tổ 2, ấp Mỹ Thạnh, xã Thanh Mỹ có T, T3 và T tham gia, với tổng giá trị T3 sản cướp được là 22.015.000 đồng. Lần cướp T3 sản của bị hại Trần Thị M vào ngày 08/01/2023 tại ấp 2, xã Láng Biển, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp có T, T3, T và Huỳnh T tham gia, với tổng giá trị T3 sản cướp được là 11.300.000 đồng. Tổng giá trị T3 sản cướp được của cả hai lần là 33.315.000 đồng.

Hành vi này không những vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân. Do đó, việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai như hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội. Xét thấy, vụ án có đồng phạm nhưng thuộc T hợp giản đơn, không có tổ chức. Trong đó bị cáo Trần N T là người có vai trò chính, là người khởi sự, rủ rê các bị cáo khác đi cướp T3 sản, các bị cáo Nguyễn Văn Đức T3 và Huỳnh Văn T có vai trò là người thực hành, bị cáo Trần Huỳnh T có vai trò là người giúp sức và chỉ chịu trách nhiệm hình sự đối với một lần cướp T3 sản của chị Trần Thị M với giá trị T3 sản là 11.300.000 đồng.

[5] Các bị cáo là những người chưa thành niên nhưng không tu dưỡng rèn luyện cho bản thân mà lại phạm tội. Các bị cáo Trần N T, Nguyễn Văn Đức T3, Huỳnh Văn T phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần N T có thêm tình tiết xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội, quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, xét thấy cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà từng bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, biết tôn trọng, chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung cho toàn xã hội cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội này.

[6] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng thấy rằng các bị cáo đã tự nguyện bồi th thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn Đức T3 có

có ông nội tên Nguyễn Văn Sang được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, tại thời điểm phạm tội các bị cáo đã trên 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng những quy định trong xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội tại các Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[7] Cáo trạng số: 28/CT-VKSTM ngày 09 tháng 6 N1 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp truy tố các bị cáo Trần N T, Huỳnh Văn T, Nguyễn Văn Đức T3 và Trần Huỳnh T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra để cải tạo, giáo dục các bị cáo và nhằm mục đích phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận. Tuy nhiên, riêng về phần mức án phạt tù, Hội đồng xét xử sẽ xem xét toàn bộ T3 liệu, chứng cứ, cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo trong vụ án này để xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Nguyễn Văn Đức T3, Trần N T và Huỳnh Văn T đã bồi tH xong số tiền 22.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Văn G. Bị hại không yêu cầu bồi tH gì thêm. Các bị cáo Nguyễn Văn Đức T3, Trần N T, Huỳnh Văn T và Trần Huỳnh T thống nhất bồi tH sợi dây chuyền vàng 18kara, trọng lượng 2,8 chỉ theo yêu cầu của bị hại Trần Thị M và đã bồi tH xong. Bị hại không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Đối với con dao mà T3 tự ý lấy và sử dụng đi cướp T3 sản của anh Nguyễn Văn G là của bà Bùi Thị Mỹ L, là mẹ ruột bị cáo T. Bà L không yêu cầu các bị cáo bồi tH đối với con dao này, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Đề nghị của Kiểm sát viên là đúng với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn Đức T3, Huỳnh Văn T và Trần Huỳnh T bị kết tội; các bị cáo không thuộc T hợp không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 11 và không thuộc T hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH

vụ Quốc hội. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội. Riêng bị cáo Trần N T gia đình là hộ nghèo nên thuộc T hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Trần N T phạm tội “*Cướp T3 sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Trần N T 05 (N1) N1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2023.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội “*Cướp T3 sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn T 04 (Bốn) N1 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2023

3. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đức T3 phạm tội “*Cướp T3 sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đức T3 04 (Bốn) N1 tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2023

4. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Huỳnh T phạm tội “*Cướp T3 sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Huỳnh T 03 (Ba) N1 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2023

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

5. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

6. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm T xe mô tô biển số 66F1-479.50.

- Trả lại cho bị cáo Trần N T 01 áo khoác màu đen, có số 23 phía trước; 01 nón bảo hiểm màu đen;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đức T3 01 đôi dép quai kẹp, màu đỏ, có in dòng chữ DH; 01 nón lưỡi trai màu đen; 01 áo khoác dài tay, màu đen, áo khoác loại có nón đội đầu;

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn T 01 đôi dép lười màu đỏ; 01 áo thun dài tay, màu trắng sọc đen; 01 quần jean màu xanh trắng; 01 áo sơ mi sọc dài tay, màu nâu; 01 quần sọt jean màu xám rách hai bên ống quần;

- Trả lại cho bị cáo Trần Huỳnh T 01 áo sơ mi dài tay màu xám; 01 quần sọt jean màu xanh.

- Tịch thu bán sung vào ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô biển số 54P7-4211 (kèm theo giấy đăng ký xe; 01 giấy mua bán xe biển số 54P7-4211); 01 xe gắn máy biển số 95EA-044.77 (kèm theo giấy đăng ký xe; 01 giấy mua bán xe biển số 95EA-044.77).

(Vật chứng nêu trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng, T3 sản ngày 03/7/2023).

7. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội;

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đức T3, Huỳnh Văn T và Trần Huỳnh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần N T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm (hộ nghèo).

8. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

9. T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T8 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CQ CSĐT CA huyện Tháp Mười;
- CC THADS huyện Tháp Mười;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu: HSVA, VPTA (Đạt).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Ngọc